

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2019/HSPT**
Ngày: 23/04/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và ông Nguyễn Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 15/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo Lê Bá L và Trần S do có kháng cáo của bị cáo Trần S và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2019/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Phú Yên đối với bị cáo Lê Bá L.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần S, sinh năm 1986; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố 1, phường P, thành phố H, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành S1, sinh năm 1945 và bà Huỳnh Thị Kim Ph (chết); có cha nuôi Nguyễn S2 (chết) và mẹ nuôi Trần Thị A, sinh năm 1937; có vợ Hồ Thị Tố L1, sinh năm 1992 và 01 con sinh năm 2015; tiền án: Ngày 06/11/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đến nay chưa bồi thường về phần trách nhiệm dân sự; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị cáo bị kháng nghị: Lê Bá L, sinh năm 1980; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn C, xã An P, thành phố H, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá C (chết) và Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; có vợ Lê Mộng D,

sinh năm 1974 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/01/2008, bị Công an thị xã K, tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích; ngày 08/10/2009, bị Tòa án nhân dân thị xã K xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 24/8/2011; bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 19/03/2018, Lê Bá L gọi điện thoại rủ Trần S đi trộm cắp tài sản. Trần S đồng ý và chuẩn bị các dụng cụ gồm: Cẩn câu, băng keo hai mặt, chai ớt bột rồi điều khiển xe mô tô biển số 78P1-xxxx chở Lê Bá L đến cây xăng số 20 thuộc thôn Ph, xã Ch, huyện A thấy xe ô tô tải của anh Nguyễn Ngọc Đ đang đậu, để anh Đ và phụ xe Nguyễn Tấn E ngủ trong cabin, cửa kính cabin xe để hở khoảng 10 cm. S và L dắt xe đến dựng sát vào xe anh Đ. S ngồi trên xe mô tô để giữ thăng bằng còn L đứng trên yên xe dùng cẩn câu có dán keo hai mặt ở phần đầu thò vào khe hở cửa kính câu được một điện thoại di động Iphone 5S, trị giá: 3.300.000 đồng và số tiền 900.000 đồng đưa cho S. Sau khi lấy được tài sản, S và L điều khiển xe tẩu thoát thì bị ngã xuống đường. Do thấy có lực lượng Cảnh sát giao thông đang tuần tra nên cả hai bỏ chạy để lại xe mô tô biển số 78P1-8511. Trong lúc chạy, S làm rơi mất điện thoại di động vừa trộm được và giấy đăng ký xe mô tô biển số 78P1-8511; số tiền 900.000 đồng, S và L chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên Lê Bá L và Trần S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo; thêm điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo L; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo S; phạt: Bị cáo Lê Bá L 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng; Trần S 01 (một) năm tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/01/2019, bị cáo Trần S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 23/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện A kháng nghị theo hướng chuyên hình phạt tù, không cho bị cáo Lê Bá L hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Đối với bị cáo Lê Bá L vắng mặt lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử đã tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị cáo S, Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, các đơn xin hoãn phiên tòa; công bố lời khai của bị cáo L, lời khai người bị hại và lời khai người làm chứng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị cáo Lê Bá L và căn cứ Điều 356; điểm d khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo - Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo S; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An - Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt theo hướng không cho bị cáo Long hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 09/4/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên Quyết định mở phiên tòa phúc thẩm để xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo Trần S và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện A về việc không cho hưởng án treo đối với bị cáo Lê Bá L, nhưng bị cáo L có đơn xin hoãn phiên tòa và nêu lý do đang điều trị chấn thương vùng đầu, nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã Quyết định Hoãn phiên tòa đồng thời ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 ngày 23/4/2019, tuy nhiên bị cáo tiếp tục làm đơn xin hoãn phiên tòa, cho rằng còn đang tiếp tục điều trị chấn thương; theo tài liệu do bị cáo L cung cấp thể hiện, bị cáo bị chém chấn thương vùng đầu là có thật, nhưng đã điều trị từ ngày 06/02/2019 đến ngày 07/02/2019 thì xuất viện và qua chụp cắt lớp vi tính có kết luận chưa thấy tổn thương bất thường trên phim, nên lý do xin hoãn phiên tòa của bị cáo là không chính đáng. Xét sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên, tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Long theo điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Để có tiền tiêu xài; khoảng 00 giờ 10 phút ngày 19/03/2018, Lê Bá L rủ rê và được Trần S đồng ý chuẩn bị công cụ, phương tiện cùng đi trộm cắp tài sản; tại

thôn Ph, xã Ch, huyện A. Lê Bá L và Trần S đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Đ có tổng giá trị 4.200.000 đồng; trong đó, một điện thoại di động Iphone 5S, trị giá 3.300.000 đồng và tiền mặt 900.000 đồng. Nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng tội.

[2] Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại trái pháp luật mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an - an toàn xã hội ở địa phương, nên cần xử phạt nghiêm.

[2.1] Đối với bị cáo Trần S, đã từng bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích, nhưng không tích cực sửa chữa lỗi lầm mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Nên khi lượng hình, án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để phạt bị cáo 01 năm tù, đồng thời không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Do đó, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo là không có cơ sở, nên không chấp nhận; mà chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo.

[2.2] Đối với bị cáo Lê Bá L, là người có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau; và bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” với 02 tình tiết tăng nặng định khung là phạm tội có tổ chức và có tính chất chuyên nghiệp theo điểm a, b khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Mặc dù, bị cáo đã được xóa án tích, nhưng trong vụ án này bị cáo là người chủ động rủ rê bị cáo S đi trộm cắp và trực tiếp dùng công cụ mà bị cáo S đã chuẩn bị sẵn thực hiện hành vi chiếm đoạt, nên bị cáo có vai trò, vị trí phạm tội là người chủ mưu, cầm đầu thuộc đối tượng phải nghiêm trị. Nhưng khi quyết định hình phạt, án sơ thẩm lại cho bị cáo được hưởng án treo là đã sai lầm trong việc áp dụng Bộ luật Hình sự; cũng như chưa đánh giá hết tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của bị cáo, không đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm tại địa phương, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị theo hướng không cho bị cáo hưởng án treo là có cơ sở chấp nhận.

Mặt khác, khi lượng hình án sơ thẩm phạt bị cáo Lê Bá L với mức án thấp hơn bị cáo Trần S là không tương xứng, nhưng không có kháng cáo hoặc kháng nghị theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo, nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Tuy nhiên, với việc chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện A theo hướng không cho bị cáo L hưởng án treo và mức hình phạt 09 tháng tù cũng đã đủ răn đe, giáo dục bị cáo, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Bị cáo Lê Bá L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Trần S kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần S, Lê Bá L phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351; Điều 356; điểm d khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo; thêm điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo L; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo S.

Không chấp nhận kháng cáo - Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Trần S; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện A - Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Lê Bá L;

Phạt:

- Bị cáo Trần S - 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Lê Bá L - 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần S phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm;

Bị cáo Lê Bá L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- TAND huyện A (2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Sở tư pháp (1);
- Người tham gia tố tụng (2);
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Nguyên Tùng